

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 07 tháng 6 năm 2022
V/v: “*Tuyên bố không công
nhận quan hệ cha, con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn;

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 413/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Ngọc T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 22, đường N, phường D, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lương Thị S, sinh năm 1988; nơi cư trú: Căn hộ số 1614, chung cư A, đường N, phường N, thành phố B (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đặng Ngọc T xác định:

Tháng 9/2009, anh và chị Lương Thị S kết hôn, có đăng ký tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nên đến tháng 02/2014 ly thân, không còn chung sống và quan hệ vợ chồng. Tháng 4/2015, anh và chị Lương Thị S được Tòa án thành phố Bắc Giang giải quyết cho được ly hôn. Trong quá trình là vợ chồng anh và chị Lương Thị S có một con chung là Đặng S, sinh ngày 10/8/2010. Tháng 12 năm 2014 chị Lương Thị S sinh cháu Đặng MN. Anh xác định thời điểm chị Lương Thị S có thai cháu Ngọc thì vợ chồng hoàn toàn ly thân, không còn quan hệ vợ chồng. Anh cho rằng, cháu Ngọc và anh không có quan hệ huyết thống, tức là cháu Ngọc không phải là con đẻ của anh cùng với chị Lương Thị S. Nên, anh đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ cha – con giữa anh và cháu Đặng MN, sinh ngày 15/12/2014.

Bị đơn là chị Lương Thị S có lời khai xác định:

Tháng 9/2009, chị và anh Đặng Ngọc T kết hôn, có đăng ký tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nên đến tháng 02/2014 ly thân, không còn chung sống và quan hệ vợ chồng. Tháng 4/2015, anh chị được Tòa án thành phố Bắc Giang giải quyết cho được ly hôn. Trong quá trình là vợ chồng có một con chung là Đặng S, sinh ngày 10/8/2010. Tháng 12 năm 2014, chị sinh cháu Đặng MN. Chị xác định thời điểm chị có thai cháu Đặng MN thì anh chị hoàn toàn ly thân, không còn quan hệ vợ chồng. Anh Đặng Ngọc T cho rằng, cháu Đặng MN và anh Đặng Ngọc T không có quan hệ huyết thống, tức là cháu không phải là con đẻ của anh Đặng Tiến cùng với chị là hoàn toàn đúng. Nên, anh Đặng Ngọc T đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ cha – con, giữa anh Đặng Ngọc T và cháu Đặng MN, sinh ngày 15/12/2014, chị hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận cháu Đặng MN, sinh ngày 15/12/2014 là con đẻ của anh Đặng Ngọc T.

2. Về án phí: Anh Đặng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Ngọc T thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình “*Tuyên bố không công nhận quan hệ cha - con*” thuộc là thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo khoản 8 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Đặng Ngọc T và chị Lương Thị S đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tháng 9/2009, anh Đặng Ngọc T và chị Lương Thị S kết hôn, có đăng ký tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nên đến tháng 02/2014 ly thân, không còn chung sống và quan hệ vợ chồng. Tháng 4/2015, anh chị được Tòa án thành phố Bắc Giang giải quyết cho được ly hôn. Trong quá trình là vợ chồng có một con chung là Đặng S, sinh ngày 10/8/2010. Tháng 12 năm 2014, chị Lương Thị S sinh cháu Đặng MN. Thời điểm chị Lương Thị S có thai cháu Đặng MN thì anh chị hoàn toàn ly thân, không còn quan hệ vợ chồng. Điều này chị Lương Thị S và anh Đặng Ngọc T đều thừa nhận. Anh chị đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ADN của anh Đặng Ngọc T và cháu Đặng MN. Tại Kết luận giám định ADN số: HT162.22/PY-XNSH ngày 06/5/2022 của Viện Pháp y Quân đội - Bộ Quốc phòng xác định: Gen ADN của anh Đặng Ngọc T và cháu Đặng MN không có quan hệ huyết thống cha - con cùng nhau. Do đó, anh Đặng Ngọc T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận cháu cháu Đặng MN, sinh ngày 15/12/2014 là con đẻ của anh Đặng Ngọc T là có căn cứ theo khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Anh Đặng Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Về chi phí giám định: Các đương sự đã tự chi trả trong quá trình giám định, không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Xử:

1. Không công nhận cháu cháu Đặng MN, sinh ngày 15/12/2014 là con đẻ của anh Đặng Ngọc T.

2. Về án phí: Anh Đặng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo biên lai số: 0001270 ngày 15/12/2021. Xác nhận anh Đặng Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trần Kiên

